

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**ĐỀ ÁN**

**TỔ CHỨC LẠI CỤC ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM  
THÀNH CỤC QUẢN LÝ CÔNG TƯ**

Hà Nội, tháng 9/2024

## MUC LUC

<b>DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>4</b>
<b>Phần I: SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ .....</b>	<b>5</b>
<b>I. SỰ CẦN THIẾT.....</b>	<b>5</b>
1. Bối cảnh chung.....	5
2. Chủ trương của Đảng về huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.....	6
3. Hệ thống pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP .....	7
4. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 .....	10
5. Kết quả huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức PPP .....	12
6. Chưa có cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Bộ trưởng các vấn đề chung, tổng thể, toàn diện về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư ngoài ngân sách khác .....	13
7. Khó khăn, bất cập trong tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cục Đường cao tốc Việt Nam.....	14
<b>II. CƠ SỞ PHÁP LÝ.....</b>	<b>18</b>
<b>Phần II: MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ .....</b>	<b>20</b>
<b>I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN.....</b>	<b>20</b>
<b>II. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN:.....</b>	<b>20</b>
<b>III. ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN:.....</b>	<b>20</b>
<b>Phần III: PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LẠI CỤC ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM THÀNH CỤC QUẢN LÝ CÔNG TƯ.....</b>	<b>21</b>
<b>I. LOẠI HÌNH VÀ TÊN GỌI .....</b>	<b>21</b>
1. Loại hình: .....	21
2. Tên gọi: .....	21
<b>II. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC.....</b>	<b>21</b>
1. Vị trí, chức năng.....	21
2. Nhiệm vụ và quyền hạn .....	21

3. Cơ cấu tổ chức.....	24
4. Trụ sở làm việc.....	24
<b>Phần IV: ĐÁNH GIÁ VIỆC ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TỔ CHỨC LẠI.....</b>	<b>26</b>
<b>I. ĐỐI VỚI VIỆC TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CỤC QUẢN LÝ CÔNG TƯ.....</b>	<b>26</b>
<b>II. ĐỐI VỚI VIỆC THÀNH LẬP CHI CỤC TRỰC THUỘC CỤC QUẢN LÝ CÔNG TƯ.....</b>	<b>26</b>
<b>Phần V: DỰ KIẾN VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC.....</b>	<b>28</b>
<b>I. BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC.....</b>	<b>28</b>
<b>II. VỊ TRÍ VIỆC LÀM.....</b>	<b>28</b>
<b>Phần VI: THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤC ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM.....</b>	<b>37</b>
<b>I. TỔ CHỨC CỦA CỤC ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM.....</b>	<b>37</b>
1. Cơ cấu tổ chức.....	37
2. Biên chế, nhân sự và vị trí việc làm.....	38
<b>II. HOẠT ĐỘNG CỦA CỤC ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM .....</b>	<b>39</b>
1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục.....	39
2. Tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ .....	39
3. Hiện trạng về trụ sở làm việc và cơ sở vật chất, trang thiết bị .....	45
<b>Phần VII: PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC .....</b>	<b>45</b>
<b>I. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY .....</b>	<b>45</b>
<b>II. VỀ BIÊN CHẾ, NHÂN SỰ' .....</b>	<b>46</b>
<b>III. VỀ TRỤ SỞ, ĐẤT ĐAI.....</b>	<b>46</b>
<b>IV. VỀ TÀI CHÍNH .....</b>	<b>46</b>
<b>V. VỀ TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VÀ CÁC NỘI DUNG CÓ LIÊN QUAN .....</b>	<b>46</b>
<b>Phần VIII: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN .....</b>	<b>47</b>
<b>Phần IX: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Phần X: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>	<b>48</b>

**DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>Tên viết tắt</b>	<b>Tên đầy đủ</b>
1	Bộ GTVT	Bộ Giao thông vận tải
2	CQNNCTQ	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền
3	GTVT	Giao thông vận tải
4	KCHT	Kết cấu hạ tầng
5	KCHT KTXH	Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội
6	KCHTGT	Kết cấu hạ tầng giao thông
7	KT-XH	Kinh tế - xã hội
8	NSNN	Ngân sách nhà nước
9	BOO	Xây dựng - Sở hữu - Vận hành
10	BOT	Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao
11	BTO	Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh
12	BT	Xây dựng - Chuyển giao
13	DBFO	Thiết kế - Xây dựng - Tài trợ vốn - Vận hành
14	PPP	Hợp tác công – tư
15	Cục QLĐT XD	Cục Quản lý đầu tư xây dựng
16	Vụ KHĐT	Vụ Kế hoạch đầu tư
17	Vụ TC	Vụ Tài chính
18	Cục QLCT	Cục Quản lý công tư
19	Nghị quyết số 13-NQ/TW	Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

# Phần I

## SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ

### I. SỰ CẦN THIẾT

#### 1. Bối cảnh chung

Sau gần 40 năm đổi mới, kinh tế đất nước đạt tăng trưởng ở mức tương đối cao, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện, tình hình chính trị và xã hội ổn định, quan hệ đối ngoại được mở rộng và vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch sang chiều sâu, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, đặc biệt là pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, tạo môi trường đầu tư bình đẳng, hài hòa lợi ích. Thế và lực của nước ta đã từng bước lớn mạnh; khu vực kinh tế tư nhân phát triển nhanh, ngày càng đóng vai trò quan trọng, hình thành nhiều doanh nghiệp (Viettel, Vinfast, Trường Hải, Thành Công, Hòa Phát, FPT...) có khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, từng bước làm chủ các công nghệ hiện đại; nhiều công trình hạ tầng giao thông quan trọng, quy mô lớn được hình thành, đẩy mạnh liên kết vùng, tăng cường kết nối với khu vực và thế giới. Tuy nhiên, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại vẫn là thách thức (theo báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2019, Việt Nam xếp thứ 77/141<sup>1</sup> quốc gia về cơ sở hạ tầng tổng thể); việc khai thác, phát huy các tiềm năng của nền kinh tế còn chưa hiệu quả; các đột phá chiến lược đã được nhận diện nhưng việc thực hiện còn khó khăn.

Từ đầu năm 2023 đến nay, tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng đến hầu hết các quốc gia, khu vực trên phạm vi toàn cầu, nhất là: hậu quả của dịch COVID-19 kéo dài đã tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội; xung đột ở Ukraina và Dải Gaza, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, lạm phát ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất kéo dài dẫn đến suy giảm tăng trưởng, suy giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều nước, đối tác lớn; rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản quốc tế gia tăng; những thách thức về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh năng lượng, lương thực, đói nghèo ngày càng lớn và tác động, ảnh hưởng ngày càng nặng nề đến người dân.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và khả năng tụt hậu xa hơn về

---

<sup>1</sup> <https://kinhtevadubao.vn/chi-so-nang-luc-canhh-tranh-toan-cau-cua-viet-nam-va-cac-nuoc-asean-28075.html>.

kinh tế vẫn là thách thức lớn; độ mở của nền kinh tế nước ta ngày càng lớn hơn, các tác động tiêu cực của kinh tế thế giới đến kinh tế trong nước nhanh và mạnh hơn. Khả năng tự chủ của nền kinh tế chịu ảnh hưởng mạnh từ biến động hoạt động sản xuất khu vực đầu tư nước ngoài và một số thị trường lớn. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội rất lớn trong khi đó nguồn vốn nhà nước, vốn ưu đãi và viện trợ đều có xu hướng giảm.

## **2. Chủ trương của Đảng về huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng**

Hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông luôn đóng vai trò quan trọng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, là chỉ số quan trọng để đánh giá năng lực cạnh tranh của các quốc gia. Cũng như ở nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia đang phát triển, phát triển kết cấu hạ tầng đều đối mặt với thách thức giữa nhu cầu đầu tư rất lớn trong khi nguồn lực nhà nước hạn hẹp, không thể đáp ứng. Việc huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư phát triển hạ tầng giao thông được đánh giá là giải pháp hiệu quả, đã và đang được áp dụng tại nhiều quốc gia.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng xác định: *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn là một trong ba đột phá chiến lược, với định hướng đa dạng hoá hình thức đầu tư, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài tham gia phát triển kết cấu hạ tầng.*

Tại Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã thông qua Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, trong đó xác định *huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; đồng thời tiếp tục dành vốn nhà nước tập trung đầu tư vào các công trình thiết yếu, quan trọng, khó huy động các nguồn lực xã hội; với các giải pháp: thu hút mạnh các thành phần kinh tế, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm lợi ích thỏa đáng của nhà đầu tư. Mở rộng hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm. Sửa đổi, bổ sung các quy định về chính sách hỗ trợ tài chính, thuế, giá, phí, lệ phí, nhượng quyền... để tăng tính thương mại của dự án và sự đóng góp của người sử dụng. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư theo các hình thức PPP, BT, BOT...*

Sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và 9 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, kết cấu hạ tầng giao thông đã có bước phát triển mạnh, một

số công trình trọng điểm đã được đầu tư đưa vào khai thác, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao sức cạnh tranh cho nền kinh tế. Tuy nhiên, mục tiêu đột phá về kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại chưa đạt yêu cầu; các dự án, công trình giao thông khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020 rất ít so với quy hoạch phát triển, vẫn phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách nhà nước; việc cải thiện cơ chế, chính sách để thu hút nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế sẵn có.

Trên cơ sở đó, Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: *Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu...*” là một trong ba đột phá chiến lược giai đoạn 2021 - 2030, với một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: *Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh hợp tác công tư nhằm huy động nguồn lực xã hội vào phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công<sup>2</sup>; thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông<sup>3</sup>...*

Triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, trong đó xác định: *Lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực ngoài nhà nước, nhất là đối với đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư. Đẩy mạnh triển khai các dự án theo phương thức đối tác công tư, trước hết là các dự án theo hình thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) để phát triển hạ tầng chiến lược trên nguyên tắc hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người dân là một trong các giải pháp chủ yếu để huy động nguồn lực đầu tư.*

### **3. Hệ thống pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP**

- *Giai đoạn trước năm 2008<sup>4</sup>:*

Tại Việt Nam, đầu tư theo hình thức PPP được bắt đầu thực hiện từ năm 1997 với chỉ duy nhất một hình thức hợp đồng BOT (Nghị định số 77/CP ngày 18 tháng 6 năm 1997 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao BOT). Đến năm 1998, các loại hợp đồng

<sup>2</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I Mục V khoản 4).

<sup>3</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập II Phần thứ II Mục IV khoản 5).

<sup>4</sup> Một số dự án kết cấu hạ tầng giao thông đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT được triển khai trong giai đoạn này như: Dự án BOT cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên; Dự án BOT xây dựng Quốc lộ 2 đoạn tránh Thành phố Vĩnh yên, tỉnh Vĩnh Phúc (thu phí hoàn vốn tại trạm Bắc Thăng Long - Nội Bài); Dự án BOT xây dựng Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Thanh Hóa; Dự án BOT xây dựng Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Hà Tĩnh; Dự án BOT xây dựng Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Hà Tĩnh...

PPP đã được mở rộng gồm 03 loại BOT, BTO, BT, nhưng chỉ áp dụng cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định số 62/1998/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đầu tư theo hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO) và hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) áp dụng cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam).

Đến năm 2005, khái niệm về 03 loại hợp đồng BOT, BTO, BT lần đầu tiên được quy định tại Luật Đầu tư và tiếp tục được hướng dẫn thực hiện tại Nghị định số 78/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh, hợp đồng xây dựng - chuyển giao.

Giai đoạn trước năm 2008, nội dung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chỉ quy định những vấn đề chung (lĩnh vực đầu tư, về nguồn vốn, điều kiện của doanh nghiệp dự án được lựa chọn thực hiện dự án, thủ tục cấp phép đầu tư, ký kết hợp đồng dự án, thực hiện đầu tư,...) chưa có hướng dẫn về lựa chọn nhà đầu tư; mặc dù Luật Đấu thầu năm 2005 đã ban hành và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2006 nhưng không điều chỉnh hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP.

*- Giai đoạn 2009 - 2015:*

Ngày 27 tháng 11 năm 2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2009/NĐ-CP quy định các hình thức đầu tư theo hợp đồng BOT, BTO và BT áp dụng thống nhất cho nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế.

Ngày 17 tháng 11 năm 2011, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 166/2011/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng chi phí chuẩn bị dự án và kinh phí hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình quản lý các dự án BOT, BTO, BT; một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của các hợp đồng dự án thực hiện theo các hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT; điều kiện và phương thức thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án BT; quyết toán giá trị công trình dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT.

Ngày 27 tháng 01 năm 2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, Hợp đồng BTO và Hợp đồng BT.

---

<sup>5</sup> Theo số liệu tổng hợp, phần lớn các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BOT, BT được triển khai đầu tư trong giai đoạn này trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 166/2011/TT-BTC và số 159/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên. Giai đoạn 2011 - 2015 chỉ tính riêng Bộ GTVT đã huy động được khoảng 158.742 tỷ đồng để đầu tư 53 dự án theo hình thức hợp đồng BOT, BT và BOO (gồm: 46 dự án BOT, 01 dự án BT kết hợp BOT, 04 dự án BT và 01 dự án BOO).



Ngày 14 tháng 11 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 159/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ để hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ.

Ngày 09 tháng 11 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg về Quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức PPP, trong đó lần đầu tiên định nghĩa thuật ngữ PPP. Tuy nhiên, Quyết định nêu trên chưa quy định cụ thể các loại hợp đồng dự án PPP, không phân tách rõ ràng với Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, đặc biệt là quy định cụ thể về quy trình, thủ tục thực hiện dự án PPP và các cơ chế, chính sách kèm theo...

Bên cạnh những văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, quy định về đầu tư theo hình thức PPP trong giai đoạn này còn được điều chỉnh bởi các văn bản Luật khác nhau như Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư.

- *Giai đoạn 2015 - 2020:*

Ngày 14 tháng 02 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP trên cơ sở hợp nhất Nghị định số 108/2009/NĐ-CP và Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg. Nghị định số 15/2015/NĐ-CP được xây dựng trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về quy trình thực hiện dự án, loại hợp đồng... đồng thời có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Ngày 17 tháng 3 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định 30/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP. So với các quy định trước đây, Nghị định 30/2015/NĐ-CP đã làm rõ một số nội dung về lựa chọn nhà đầu tư như: quy định rõ hai hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu thầu rộng rãi và chỉ định thầu; phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu; quy định thời hạn, quy trình và phương tiện đăng tải thông tin liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư như danh mục dự án, kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; làm rõ các điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu. Các bộ, ngành đã ban hành 12 Thông tư hướng dẫn Nghị định 15/2015/NĐ-CP và Nghị định 30/2015/NĐ-CP<sup>6</sup>.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về PPP, ngày 04 tháng 5 năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo phương thức PPP với một số nội dung quy định mới để khắc phục tồn tại, hạn chế, trong đó có một số điểm nổi bật như: quy trình, thủ tục thực hiện dự án PPP nói chung và có quy trình riêng đối với dự án sử dụng công nghệ cao; quy định quy trình chặt chẽ đối với dự án BT; bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án PPP...

<sup>6</sup> Bao gồm các Thông tư: số 06/2016/TT-BKHĐT, số 02/2016/TT-BKHĐT, số 15/2016/TT-BKHĐT, số 86/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 23/2015/TT-BCT, số 38/2015/TT-BCT, số 21/2016/TT-BTTTT, số 14/2017/TT-BNNPTNT, số 55/2016/TT-BTC, số 75/2017/TT-BTC, 30/2018/TT-BTC, số 183/2015/TT-BTC.

Mặc dù các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP giai đoạn 2015 - 2020 khá đầy đủ so với trước đây, tuy nhiên số lượng dự án được triển khai trong giai đoạn này không nhiều (từ năm 2016 đến năm 2021 Bộ GTVT chỉ triển khai được 04 dự án PPP<sup>7</sup>).

- *Giai đoạn 2021 đến nay:*

Ngày 21 tháng 10 năm 2017, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 về một số nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng BOT. Theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp, trong đó bao gồm “*Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT đặt trong tổng thể hoàn thiện pháp luật về đầu tư theo hình thức PPP với định hướng nghiên cứu xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật tạo cơ sở pháp lý cao, thống nhất, đồng bộ cho hình thức đầu tư này*”.

Triển khai Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, từ năm 2018 Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì nghiên cứu, xây dựng Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (gọi tắt là Luật PPP, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021).

Việc nâng cấp từ Nghị định lên thành Luật điều chỉnh phương thức đầu tư PPP đã tạo ra một nền tảng pháp lý mạnh mẽ hơn; lần đầu tiên các quy định về đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư được tích hợp trong hệ quy định về PPP. Đặc biệt, cơ chế chia sẻ phân tầng, giảm doanh thu lần đầu tiên được xem xét áp dụng đối với các dự án đầu tư theo phương thức PPP; đồng thời, với cơ chế cho phép doanh nghiệp dự án được phát hành trái phiếu doanh nghiệp và huy động vốn từ các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện dự án (ngoài nguồn cung cấp tín dụng từ các ngân hàng như quy định trước đây) cũng được xem là giải pháp quan trọng tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn đầu tư theo phương thức PPP.

#### **4. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, để từng bước xây dựng, hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh quốc gia, Bộ Giao thông vận tải đã hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển

<sup>7</sup> gồm 01 dự án thu phí tự động không dừng theo hình thức hợp đồng BOO và 03 dự án PPP thành phần cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt, đoạn Nha Trang - Cam Lâm và đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo).

giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với 5 lĩnh vực ngành giao thông vận tải, với định hướng như sau:

a) Về đầu tư, phát triển 5 lĩnh vực

- Về Đường bộ: Đến năm 2030, quy hoạch 26 tuyến đường bộ cao tốc, khoảng 5.170 km; 173 tuyến quốc lộ, khoảng 29.854 km, trong đó tập trung hoàn thiện tất cả các điểm nghẽn kết nối đường bộ với các ngành GTVT khác, đặc biệt tập trung tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế chính. Định hướng đến năm 2050, quy hoạch tuyến cao tốc dài khoảng 9.014 km, hệ thống quốc lộ được giữ nguyên, trong đó hoàn thiện mạng lưới đường bộ trong cả nước đồng bộ, hiện đại, bảo đảm sự kết nối và phát triển hợp lý giữa các phương thức vận tải.

- Về Đường sắt: Đến năm 2030, mạng lưới đường sắt quốc gia được quy hoạch 16 tuyến với chiều dài 4.746 km, bao gồm 07 tuyến chính hiện hữu được quy hoạch với chiều dài 2.378 km và quy hoạch để chuẩn bị, thực hiện đầu tư 09 tuyến đường sắt với chiều dài 2.368 km. Định hướng đến năm 2050, mạng lưới đường sắt quốc gia bao gồm 24 tuyến với chiều dài 6.313 km; tăng thêm 8 tuyến so với kỳ quy hoạch đến năm 2030 với chiều dài tăng thêm là 1.567 km.

- Về Đường thủy nội địa: Đến năm 2030 có 55 tuyến vận tải thủy nội địa, 60 cụm cảng hàng hóa và 27 cụm cảng hành khách. Phát triển đồng bộ cả KCHT luồng tuyến và cảng bến đối với các tuyến vận tải container bằng đường thủy nội địa kết nối với hệ thống cảng biển. Định hướng đến năm 2050, đầu tư đồng bộ, hiện đại các tuyến vận tải cũng như các cảng hàng hóa và hành khách theo chiều sâu, đặc biệt là hệ thống bốc dỡ, năng lực quản trị để nâng cao năng lực vận tải thông qua.

- Về Hàng không: Đến năm 2030 quy hoạch 30 cảng hàng không, bao gồm 14 cảng hàng không quốc tế, 16 cảng hàng không quốc nội, tổng công suất thiết kế dự kiến 294,5 triệu hành khách/năm. Định hướng đến năm 2050: quy hoạch 33 cảng hàng không, bao gồm 14 cảng hàng không quốc tế, 19 cảng hàng không quốc nội.

- Về Hàng hải: Đến năm 2030 quy hoạch 05 nhóm cảng biển với 36 cảng biển: 02 cảng biển đặc biệt (Hải Phòng, Bà Rịa – Vũng Tàu), 15 cảng biển loại I, 06 cảng biển loại II, 13 cảng biển loại III đáp ứng lượng hàng thông qua khoảng 1,14 ÷ 1,42 tỷ tấn. Các cảng biển Thanh Hóa, Đà Nẵng, Khánh Hòa quy hoạch tiềm năng thành cảng biển đặc biệt. Định hướng đến năm 2050: Đầu tư đồng bộ, hiện đại các luồng, cảng, các công trình phụ trợ, hệ thống bốc dỡ để nâng cao hiệu quả khai thác. Tập trung phát triển các cảng biển đặc biệt tiềm năng, cửa ngõ quốc tế theo quy hoạch.

b) Về nguồn vốn

Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2030 cho 05 lĩnh vực là khoảng 1.874 nghìn tỷ đồng (đường bộ 900 ngàn tỷ, đường sắt 239 ngàn tỷ, đường thủy nội địa 158 ngàn tỷ, hàng hải 312 ngàn tỷ, hàng không 265 ngàn tỷ); dự kiến ngân sách nhà nước cân đối khoảng 1086 nghìn tỷ đồng, chiếm 58%, còn lại dự kiến huy động ngoài ngân sách khoảng 788 nghìn tỷ đồng (trong đó tập trung đường bộ 302 ngàn tỷ, hàng hải 297 ngàn tỷ, hàng không 189 ngàn tỷ).

## **5. Kết quả huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức PPP**

- Giai đoạn trước thời điểm Luật PPP ban hành

Thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội về huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo phương thức PPP, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự nỗ lực của các bộ, ngành và địa phương, trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực, cả nước đã huy động khoảng **712.774** tỷ đồng đầu tư 242 dự án hạ tầng giao thông theo phương thức PPP<sup>8</sup>; trong đó, Bộ GTVT huy động 226.011 tỷ đồng để đầu tư 72 dự án; địa phương huy động 486.763 tỷ đồng để đầu tư 170 dự án.

Theo số liệu tổng hợp, kết quả huy động nguồn lực theo phương thức PPP qua các giai đoạn là khác nhau do nhiều yếu tố tác động, cụ thể:

Giai đoạn trước năm 2010, bên cạnh nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn ODA là một trong những động lực chủ yếu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

Giai đoạn 2010 - 2015, sau khủng hoảng kinh tế giai đoạn 2008 - 2009, trước áp lực rất lớn về phát triển kết cấu hạ tầng, nguồn vốn đầu tư công hạn hẹp, việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức PPP đạt kết quả khá cao. Trong giai đoạn này, Bộ Giao thông vận tải đã thành lập Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công tư là tổ chức đầu môi triển khai việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các lĩnh vực giao thông vận tải.

Giai đoạn từ năm 2016 đến nay, nguồn vốn vay ODA ngày càng hạn hẹp, việc huy động nguồn lực xã hội theo phương thức PPP ngày càng trở nên khó khăn. Trong bối cảnh đó, để bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế, khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, cấp có thẩm quyền có chủ trương triển khai các dự án theo hình thức đầu tư công<sup>9</sup>.

<sup>8</sup> Theo loại hợp đồng: có 140 dự án BOT/318.857 tỷ đồng, 99 dự án BT/388.878 tỷ đồng, 02 dự án BOO/3.259 tỷ đồng và 01 dự án BOT kết hợp BT/1.780 tỷ đồng. Theo lĩnh vực: có 232 dự án đường bộ/695.571 tỷ đồng (chiếm 98%), các lĩnh vực còn lại với 10 dự án/17.203 tỷ đồng (chiếm 2%).

<sup>9</sup> Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định chuyển đổi hình thức đầu tư từ đầu tư PPP sang đầu tư công đối với 5 dự án thành phần trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 tại Nghị quyết số 117/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội và Nghị quyết số 1213/NQ-UBTVQH14 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Giai đoạn sau khi Luật PPP ban hành

Sau khi Luật PPP ban hành, Bộ GTVT và các địa phương đã và đang triển khai đầu tư khoảng khoảng **15 dự án** theo phương thức PPP (hợp đồng BOT) với tổng mức đầu tư khoảng **435.779 tỷ đồng**, trong đó: vốn nhà nước tham gia khoảng **223.835 tỷ đồng** (bình quân khoảng 51% tổng mức đầu tư), vốn nhà đầu tư **211.944 tỷ đồng** (bình quân khoảng 49% tổng mức đầu tư).

## **6. Chưa có cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Bộ trưởng các vấn đề chung, tổng thể, toàn diện về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư ngoài ngân sách khác**

Theo định hướng đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đã được phê duyệt, tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2030 cho 05 lĩnh vực khoảng **1.874** nghìn tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước dự kiến chỉ cân đối khoảng 1086 nghìn tỷ đồng (58%), còn lại phải huy động ngoài ngân sách khoảng **788** nghìn tỷ đồng (42%). Với cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Bộ GTVT như hiện nay, để thực hiện nhiệm vụ huy động ngoài ngân sách như nêu trên là rất khó khả thi.

Chỉ tính riêng đối với lĩnh vực đường bộ, nhu cầu vốn đầu tư đến năm 2030 khoảng 900 nghìn tỷ đồng, trong đó phải huy động ngoài ngân sách khoảng hơn 300 nghìn tỷ đồng sẽ là nhiệm vụ rất khó khăn, đặc biệt là việc thực hiện mục tiêu “*Đến năm 2030, phần đầu cả nước có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc*” Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

Trong bối cảnh Chính phủ quyết liệt thực hiện chính sách tái cơ cấu đầu tư, cắt giảm đầu tư công thì việc xã hội hóa đầu tư để huy động nguồn lực ngoài ngân sách là giải pháp cần thiết, cấp bách và hữu hiệu. Để đảm bảo khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư, thu hút xã hội hóa đầu tư, Chính phủ đã có chủ trương đẩy mạnh thu hút nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức PPP và các phương thức phù hợp khác thông qua việc chỉ đạo hoàn chỉnh hệ thống pháp luật đồng bộ, bảo đảm nguyên tắc “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ”, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để thu hút tối đa nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông.

Thực tiễn tại một số quốc gia có hình thức đầu tư công tư phát triển (như Anh quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc...) cho thấy: việc thành lập cơ quan đầu mối về PPP trực thuộc Chính phủ và cơ quan chuyên trách về PPP tại các Bộ chủ quản có vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ, thúc đẩy, phát triển chính sách về thu hút đầu tư theo phương thức PPP.

Với tính chất đặc thù, nhu cầu về huy động nguồn lực ngoài ngân sách trong cả 5 lĩnh vực giao thông vận tải, Bộ GTVT xác định yêu cầu cấp thiết về thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó ưu tiên triển khai ngay và kịp thời đối với công

tác hoàn thiện thể chế, chính sách, kiện toàn tổ chức bộ máy; trong đó, việc nghiên cứu, hình thành cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Bộ trưởng các vấn đề chung, tổng thể, toàn diện về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư ngoài ngân sách là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách, nhằm tận dụng các tiềm năng, lợi thế để huy động tối đa nguồn lực ngoài ngân sách, tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo đúng chủ trương Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

## **7. Khó khăn, bất cập trong tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cục Đường cao tốc Việt Nam**

Sau khi tổ chức lại Tổng cục Đường bộ Việt Nam thành 02 Cục (Đường bộ Việt Nam và Đường cao tốc Việt Nam), Cục Đường bộ Việt Nam cơ bản kế thừa các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam trước kia.

Đối với Cục Đường cao tốc Việt Nam, được giao thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về đầu tư, xây dựng và khai thác hệ thống đường bộ cao tốc trong phạm vi cả nước; thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng đối với các dự án đường bộ cao tốc do Bộ GTVT là cơ quan có thẩm quyền đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc xã hội hóa theo phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng (nhiệm vụ của Vụ PPP trước kia).

Ngay sau khi Cục Đường cao tốc Việt Nam được thành lập, Bộ GTVT đã chỉ đạo Cục khẩn trương ổn định tổ chức, tiếp nhận nhiệm vụ của Cục Đường bộ Việt Nam và Vụ PPP. Do đó, Cục Đường cao tốc Việt Nam đã bước đầu thực hiện được một số nhiệm vụ, quyền hạn với vai trò là tổ chức tham mưu chuyên sâu về đường cao tốc; đồng thời, tổ chức thực thi pháp luật về đầu tư xây dựng, ký hợp đồng với nhà đầu tư các dự án PPP. Mặc dù vậy, qua quá trình hoạt động, đặc biệt là định hướng nhiệm vụ trong thời gian tới, mô hình tổ chức và vị trí, chức năng của Cục Đường cao tốc Việt Nam cần được nghiên cứu để hoàn thiện:

### **7.1. Công tác tham mưu, quản lý các dự án đầu tư theo phương thức PPP, dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách khác thuộc lĩnh vực GTVT chưa có sự thống nhất, đồng bộ**

a) Đối với các dự án PPP do Bộ GTVT là cơ quan ký kết hợp đồng trước năm 2020 (tổng số 72 dự án, gồm: 66 dự án dự án BOT, 05 dự án BT và 01 dự án BOO): Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng; Cục Đường cao tốc Việt Nam là cơ quan tham mưu Bộ GTVT thực hiện nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Đối với các dự án PPP mới

- Đối với các dự án do Bộ GTVT là cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

+ Bước chủ trương đầu tư do Vụ Kế hoạch - Đầu tư tham mưu.

+ Bước dự án đầu tư cơ quan tham mưu là Cục Đường cao tốc Việt Nam (đối với đường bộ cao tốc) và Cục Quản lý đầu tư xây dựng (đối với lĩnh vực khác).

+ Ký kết hợp đồng và thực hiện tự án: Cục Đường cao tốc Việt Nam là Ký kết hợp đồng đối với đường bộ cao tốc. Các Cục quản lý chuyên ngành là cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý. Riêng đối với 03 dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020<sup>10</sup>, Bộ GTVT là cơ quan ký kết hợp đồng, giai đoạn thực hiện dự án do Cục Quản lý đầu tư xây dựng là cơ quan chủ trì tham mưu, Vụ Tài chính phụ trách công tác quyết toán.

*- Đối với các dự án do địa phương là cơ quan nhà nước có thẩm quyền:*

+ Bước dự án đầu tư: Vụ Kế hoạch - Đầu tư là cơ quan chủ trì tham mưu, hướng dẫn các địa phương triển khai bước chủ trương đầu tư (trong thực tế một số dự án đường cao tốc như Gia Nghĩa - Chơn Thành, Ninh Bình - Hải Phòng..., Lãnh đạo Bộ phân công Cục Đường cao tốc chủ trì tham mưu).

+ Bước dự án đầu tư, thực hiện dự án: Cục Đường cao tốc Việt Nam chủ trì tham mưu, hướng dẫn các địa phương đối với các dự án đường bộ cao tốc. Các lĩnh vực khác như hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa, đường sắt... chưa quy định cụ thể cơ quan chủ trì tham mưu, hướng dẫn địa phương trong bước dự án đầu tư, thực hiện dự án.

c) Đối với dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách khác

Thời gian vừa qua, Cục Đường cao tốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ là cơ quan chủ trì tham mưu Bộ, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện đầu tư hệ thống trạm dừng nghỉ trên cao tốc Bắc - Nam phía Đông.

Đối với lĩnh vực hàng không, hiện nay Cục Hàng không Việt Nam đang tham mưu, tổ chức thực lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư Dự án công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không Long Thành; tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện vẫn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do Cục Hàng không Việt Nam chưa phải là cơ quan chuyên sâu về đầu tư theo hình thức này.

Theo quy định tại Nghị định số 23/2024/NĐ-CP của Chính phủ, các dự án có thể thu hút đầu tư ngoài ngân sách trong các lĩnh vực của ngành giao thông vận tải là rất lớn, bao gồm các Dự án nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm theo quy định của pháp luật về giao thông hàng hải và đường thủy nội địa; Dự án công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng; Dự án công trình dịch vụ chuyên ngành giao thông đường bộ

<sup>10</sup> Đoạn Nha Trang - Cam Lâm, đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo và đoạn Diên Châu - Bãi Vọt.

theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ gồm các khu chức năng hỗn hợp phục vụ mục đích công cộng và mục đích kinh doanh thương mại... nên tiềm năng, lợi thế để thu hút nguồn lực ngoài ngân sách là rất lớn.

### **7.2. Về thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng**

Theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng<sup>11</sup>, “*Cơ quan chuyên môn về xây dựng là cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành,...*”.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GTVT, Bộ sẽ bố trí các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo từng lĩnh vực (như: Cục Hàng hải Việt Nam là cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với lĩnh vực hàng hải; Cục Đường sắt Việt Nam là cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với lĩnh vực đường sắt; ...).

Riêng đối với lĩnh vực đường bộ, hiện có 03 cơ quan chuyên môn về xây dựng, đó là Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam, Cục Quản lý đầu tư xây dựng. Vì vậy, Bộ trưởng phải ban hành quyết định phân định cụ thể dự án nào thì Cục nào là cơ quan chuyên môn về xây dựng. Thực tế hiện nay, đối với các dự án đường bộ cao tốc, Cục Đường cao tốc Việt Nam và Cục Quản lý đầu tư xây dựng đang là cơ quan chuyên môn về xây dựng nên đang có sự cắt khúc về nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn đối với từng dự án cụ thể giữa 02 cơ quan này. Vì vậy, chưa có đầu mối thống nhất để thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

### **7.3. Về thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng**

Theo chức năng, nhiệm vụ, đối với các dự án đường bộ cao tốc do Bộ GTVT là cơ quan có thẩm quyền đầu tư theo phương thức PPP thì Cục Đường cao tốc Việt Nam là cơ quan ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng với nhà đầu tư, Cục Đường cao tốc Việt Nam chưa được bố trí nhân lực để thực hiện quản lý hợp đồng, cũng không thể thường xuyên, trực tiếp kiểm tra tại hiện trường (như các Ban QLDA đang hỗ trợ Bộ GTVT như hiện nay) do nguồn nhân lực mỏng, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý của Cục Đường cao tốc Việt Nam.

Vì vậy, để thực hiện tốt nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng (quản lý giai đoạn đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào khai thác, quyết toán hoàn thành dự án đầu tư; quản lý hợp đồng giai đoạn kinh doanh, khai thác; quyết toán hợp đồng PPP...) cần thiết phải hoàn chỉnh bộ máy, cơ cấu tổ chức và bổ sung nhân lực đối với Cục Đường cao tốc Việt Nam để triển khai thực hiện thành công các nhiệm vụ được giao.

<sup>11</sup> khoản 13 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).



Với các phân tích như nêu trên cho thấy, trường hợp vẫn giữ nguyên mô hình hoạt động của Cục Đường cao tốc Việt Nam như hiện nay, với nhiệm vụ chủ yếu tham mưu Bộ quản lý nhà nước về đường bộ cao tốc, đồng thời chỉ thực hiện thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền về đầu tư theo phương thức PPP sẽ dẫn đến phân tán, chồng lấn về nhiệm vụ.

*Một số đánh giá:*

Từ các số liệu nêu trên cho thấy, giai đoạn trước năm 2016, trong điều kiện Luật PPP chưa được ban hành, huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, kể từ thời điểm Luật PPP ban hành với nhiều chính sách mới, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đẩy mạnh phân cấp cho địa phương làm cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng. Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định<sup>12</sup> để huy động nguồn lực xã hội ngoài hình thức PPP như công trình dịch vụ trạm dừng nghỉ; công trình dịch vụ hàng không; công trình nạo vét đường thủy, hàng hải... Tuy nhiên, kết quả huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông chưa đạt như kỳ vọng, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế sẵn có.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc huy động nguồn lực xã hội theo phương thức PPP những năm gần đây; bên cạnh nguyên nhân các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông có tổng mức đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn rất dài, khó huy động nguồn vốn tín dụng, còn có nguyên nhân từ phía nhà nước như: cơ chế, chính sách đầu tư chưa thực sự bảo đảm hài hòa nên chưa thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư tham gia; PPP là lĩnh vực đầu tư khó, phức tạp hơn đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước (đặc biệt địa phương) chưa có nhiều kinh nghiệm triển khai, dẫn đến chưa quan tâm đúng mức, thậm chí có xu hướng ưu tiên triển khai theo hình thức đầu tư công; một số bộ, ngành chưa có cơ quan đầu mối về PPP để thực hiện chủ trương huy động nguồn lực ngoài ngân sách.

Theo báo cáo nêu trên, nhu cầu vốn để thực hiện đột phá về kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội là rất lớn, trong khi nguồn ngân sách nhà nước rất hạn hẹp (chỉ đáp ứng 48% giai đoạn 2021 - 2030), nhiệm vụ thu hút nguồn lực ngoài ngân sách (khoảng 52% giai đoạn 2021 - 2030) để đầu tư kết cấu hạ tầng là rất khó khăn, cần phải thay đổi về tư duy, nhận thức, đặc biệt cần có giải pháp mang tính đột phá mới bảo đảm sự thành công.

*Với các lý do nêu trên, việc nghiên cứu, tổ chức lại Cục Đường cao tốc Việt Nam thành Cục Quản lý công tư, hình thành cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Bộ*

<sup>12</sup> Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực ...

*trường các vấn đề chung, tổng thể, toàn diện về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư ngoài ngân sách khác nhằm tận dụng các tiềm năng, lợi thế của 5 lĩnh vực ngành giao thông vận tải, huy động tối đa nguồn lực ngoài ngân sách, tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo đúng chủ trương Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra rất cần thiết.*

## **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Văn kiện Đại hội lần thứ XI, XII và XIII của Đảng;
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.
- Kết luận số 11/KL-TW ngày 13 tháng 7 năm 2021 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;
- Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;
- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008, Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;
- Bộ luật Hàng hải ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

- Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

- Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

- Quyết định số 1594/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Kế hoạch của Bộ Giao thông vận tải thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

- Quyết định số 1245/QĐ-BGTVT ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường cao tốc Việt Nam;

- Công văn số 9374/BGTVT-TCCB ngày 28/8/2024 của Bộ GTVT về việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đổi tên Cục Đường cao tốc Việt Nam cho phù hợp với tình hình mới;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

## **Phần II**

### **MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ**

#### **I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

Tổ chức lại hoạt động Cục Đường cao tốc Việt Nam thành *Cục Quản lý công tư* nhằm hình thành cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Bộ trưởng các vấn đề chung, tổng thể, toàn diện về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư ngoài ngân sách khác nhằm tận dụng các tiềm năng, lợi thế để huy động tối đa nguồn lực ngoài ngân sách, tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo đúng chủ trương Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

**II. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN:** Cục Đường cao tốc Việt Nam, các cơ quan, tổ chức hành chính trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

**III. ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN:** Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy.

### Phần III

## PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LẠI CỤC ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM THÀNH CỤC QUẢN LÝ CÔNG TƯ

### I. LOẠI HÌNH VÀ TÊN GỌI

**1. Loại hình:** Là tổ chức hành chính trực thuộc Bộ Giao thông vận tải

**2. Tên gọi:** Cục Quản lý công tư (tên tiếng Anh: Public Private Management Authority)

### II. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

#### 1. Vị trí, chức năng

a) Cục Quản lý đầu tư công tư là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về đầu tư, xây dựng và khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư, các hình thức đầu tư khác sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước trong phạm vi cả nước.

b) Cục Quản lý đầu tư công tư có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước, có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

#### 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng kế hoạch, tổng hợp kết quả huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước đầu tư, phát triển các chuyên ngành giao thông vận tải.

2. Chủ trì xây dựng, tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (sau đây viết tắt là Bộ trưởng) văn bản quy phạm pháp luật, đề án, cơ chế, chính sách về huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng và khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

3. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Giao thông vận tải, tổ chức thẩm định đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư), dự án đầu tư (hoặc điều chỉnh dự án đầu tư) đối với các dự án đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư, dự án sử dụng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan kỹ

kết hợp đồng đối với dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh, dịch vụ, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông lĩnh vực đường bộ theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

5. Chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng.

6. Tham mưu trình Bộ trưởng phê duyệt quyết toán hoặc thỏa thuận quyết toán quyết toán vốn đầu tư theo thẩm quyền của cơ quan ký kết hợp đồng các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

7. Tham mưu trình Bộ trưởng thỏa thuận việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước; chấp thuận việc cầm cố, thế chấp tài sản của doanh nghiệp dự án đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

8. Là cơ quan đầu mối trong việc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện dự án đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

9. Chủ trì tham mưu trình Bộ trưởng quy định việc phân cấp, uỷ quyền cho Cục quản lý chuyên ngành, các đơn vị đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (bao gồm cả giai đoạn khai thác).

10. Chủ trì tham mưu hướng dẫn, kiểm tra, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị dự án, thực hiện dự án, quyết toán chi phí đầu tư xây dựng, quyết toán hợp đồng đối với dự án đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư, dự án sử dụng vốn đầu tư ngoài ngân sách trên phạm vi toàn quốc.

11. Chủ trì tham mưu các thực hiện thủ tục chia sẻ doanh thu tăng, giảm đối với dự án đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư.

12. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng, triển khai các chương trình, dự án ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ mới, vật liệu mới và tiến bộ kỹ thuật về đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác kết cấu hạ tầng giao thông vận tải theo phương thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

13. Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Đầu tư hướng dẫn Cục quản lý chuyên ngành xây dựng, tổng hợp danh mục, chương trình, dự án ưu tiên để thu hút vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hình thức đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách; tham mưu Bộ trưởng bố trí nguồn vốn nhà nước tham gia vào dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

14. Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Hợp tác quốc tế xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện xúc tiến đầu tư, xúc tiến đầu tư nước ngoài, huy động vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư, vốn đầu tư ngoài ngân sách phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án đã được phê duyệt.

15. Chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính thẩm định năng lực tài chính của nhà đầu tư trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư; đàm phán, thương thảo Hợp đồng dự án về các nội dung liên quan đến tài chính dự án.

16. Chủ trì kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện; bao gồm huy động, sử dụng vốn đầu tư của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án theo quy định tại hợp đồng dự án.

17. Chủ trì tham mưu phương án xử lý tài chính, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên trong trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án.

18. Xây dựng, triển khai các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai công tác xây dựng Chính phủ điện tử, công tác chuyển đổi số; Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về quản lý đầu tư, phát triển và vận hành, khai thác, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

19. Tiếp nhận và triển khai các dự án hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ về lĩnh vực PPP và ngoài ngân sách.

20. Phối hợp với Vụ Tài chính tổng hợp và lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm.

21. Chủ trì tham mưu thủ tục chuyển giao, tiếp nhận công trình, dự án; xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án sử dụng vốn đầu tư ngoài ngân sách sau khi kết thúc hợp đồng dự án.

22. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính, áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Cục Quản lý công tư theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Bộ Giao thông vận tải.

23. Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

24. Quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, người lao động theo quy

định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng; thực hiện chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật.

25. Quản lý tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

26. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

### **3. Cơ cấu tổ chức**

Trên cơ sở hiện trạng của Cục Đường cao tốc Việt Nam<sup>13</sup>, để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, Cục ĐCTVN đề xuất cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý công tư như sau:

- (1) Văn phòng.
- (2) Phòng Pháp chế - Đấu thầu.
- (3) Phòng Kế hoạch - Tài chính.
- (4) Phòng Quản lý xây dựng.
- (5) Phòng Quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông.
- (6) Phòng Kỹ thuật, công nghệ và xúc tiến đầu tư.
- (7) Chi cục miền Bắc.
- (8) Chi cục miền Trung.
- (9) Chi cục miền Nam.

### **4. Trụ sở làm việc**

**4.1. Trụ sở của Cục Quản lý công tư:** Tại trụ sở của Bộ GTVT, 80 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

**4.2. Trụ sở và phạm vi quản lý của các Chi cục,** dự kiến như sau:

- Chi cục miền Bắc: Trụ sở dự kiến sử dụng một phần trụ sở của Khu QLDB I - Cục ĐBVN. Phạm vi quản lý bao gồm các dự án thuộc khu vực miền Bắc.

- Chi cục miền Trung: Trụ sở dự kiến sử dụng một phần trụ sở của Ban Quản lý dự án 85 (tại Tổ 35, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng) hoặc một phần trụ sở thuộc Khu QLDB II - Cục ĐBVN. Phạm vi quản lý bao gồm các dự án thuộc khu vực miền Trung.

<sup>13</sup> Theo Quyết định 1245/QĐ-BGTVT ngày 27/9/2022, Cục Đường cao tốc Việt Nam gồm 05 đơn vị: Văn phòng, phòng Pháp chế - Đấu thầu, phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Quản lý đầu tư xây dựng và khai thác, phòng Khoa học công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế.



- Chi cục miền Nam: Trụ sở dự kiến sử dụng một phần trụ sở Văn phòng thuộc Khu QLĐB IV - Cục ĐBVN. Phạm vi quản lý bao gồm các dự án thuộc khu vực miền Nam.

## Phần IV

### ĐÁNH GIÁ VIỆC ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TỔ CHỨC LẠI

#### I. ĐỐI VỚI VIỆC TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CỤC QUẢN LÝ CÔNG TƯ

Khoản 10 Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ quy định: *“Việc thành lập cục phải đáp ứng đủ các tiêu chí sau:*

- a) Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;*
- b) Được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực;*
- c) Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí từ 30 biên chế công chức trở lên.”*

Căn cứ các quy định nêu trên, việc thành lập Cục Quản lý công tư là đáp ứng các tiêu chí, cụ thể:

(1) Về đối tượng quản lý: Lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, các hình thức đầu tư khác sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước trong phạm vi cả nước.

(2) Về phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực: Cục Quản lý công tư là cơ quan ký kết hợp đồng, tổ chức thực hiện hợp đồng đối với các dự án đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phương thức PPP và sử dụng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước.

(3) Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 30 biên chế công chức: để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, dự kiến Cục Quản lý công tư cần bố trí khoảng 136 công chức.

#### II. ĐỐI VỚI VIỆC THÀNH LẬP CHI CỤC TRỰC THUỘC CỤC QUẢN LÝ CÔNG TƯ

Đối chiếu với khoản 7 Điều 1 Nghị định số 101/2020/NĐ-CP bổ sung Điều 18b “Tiêu chí thành lập chi cục và tương đương”, 03 Chi cục đảm bảo tiêu chí thành lập với những lý do sau:

- Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cục theo quy định của pháp luật chuyên ngành: Đối tượng quản lý của các Chi cục là quản lý triển khai xây dựng và quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ

tăng giao thông các công trình, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

- Được phân cấp, ủy quyền của Cục trưởng để quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Cục trưởng (phân cấp, ủy quyền cho các Chi cục thực thi quản lý nhà nước trong giai đoạn triển khai xây dựng; quản lý nhà nước trong giai đoạn kinh doanh, vận hành khai thác, bảo trì công trình và quản lý nguồn vốn của dự án).

- Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí từ 15 biên chế công chức trở lên: Với phạm vi công việc mô tả như ở trên và dự kiến biên chế tại mục II.5.2, các Chi cục đáp ứng tiêu chí này.

## Phần V

### DỰ KIẾN VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

#### I. BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Cục Quản lý công tư như nêu trên, dự kiến vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị thuộc Cục, dự kiến biên chế, nhân sự cụ thể như sau:

TT	Phòng	Số biên chế dự kiến	Ghi chú
	Lãnh đạo Cục	4	Ngoài 39 biên chế hiện có của Cục ĐCTVN, số biên chế còn lại dự kiến sẽ điều động từ Cục ĐBVN, Vụ KHĐT, Vụ Tài chính, và một số cơ quan, đơn vị khác thuộc Bộ GTVT.
1	Văn phòng	7	
2	Phòng Pháp chế - Đấu thầu	7	
3	Phòng Kế hoạch - Tài chính	15	
4	Phòng Quản lý xây dựng	12	
5	Phòng Quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông	12	
6	Phòng Kỹ thuật, công nghệ và xúc tiến đầu tư	7	
7	Chi cục miền Bắc	24	
8	Chi cục miền Trung	24	
9	Chi cục miền Nam	24	
	<b>Tổng số</b>	<b>136</b>	

#### II. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Cục Quản lý công tư, dự kiến vị trí việc làm như sau:

TT	Danh mục VTVL theo quy định	Danh mục VTVL theo đơn vị	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3	4
A	<b>LÃNH ĐẠO CỤC</b>		

TT	Danh mục VTVL theo quy định	Danh mục VTVL theo đơn vị	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3	4
1	Cục trưởng (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ) và tương đương	Cục trưởng Cục Quản lý công tư	
2	Phó Cục trưởng (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ) và tương đương	Phó Cục trưởng Cục Quản lý công tư	
<b>B</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CỤC</b>		
<b>I</b>	<b>Văn phòng</b>		
<b>I.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
I.1.1	Chánh Văn phòng (thuộc Cục, thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Chánh Văn phòng	
I.1.2	Phó Chánh Văn phòng (thuộc Cục, thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Phó Chánh Văn phòng	
<b>I.2</b>	<b>VTVL nhóm chuyên môn dùng chung</b>		
I.2.1	Chuyên viên cao cấp về tổ chức bộ máy	Chuyên viên cao cấp về tổ chức bộ máy	CVCC
I.2.2	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	CVC
I.2.3	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	CV
I.2.4	Chuyên viên cao cấp về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên cao cấp về quản lý nguồn nhân lực	CVCC
I.2.5	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	CVC
I.2.6	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	CV
I.2.7	Chuyên viên cao cấp về cải cách hành chính	Chuyên viên cao cấp về cải cách hành chính	CVCC
I.2.8	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	CVC
I.2.9	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên về cải cách hành chính	CV
I.2.10	Chuyên viên cao cấp về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên cao cấp về thi đua, khen thưởng	CVCC
I.2.11	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	CVC
I.2.12	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	CV
I.2.13	Chuyên viên chính về Tổng hợp	Chuyên viên chính về Tổng hợp	CVC
I.2.14	Chuyên viên về Tổng hợp	Chuyên viên về Tổng hợp	CV

<b>TT</b>	<b>Danh mục VTVL theo quy định</b>	<b>Danh mục VTVL theo đơn vị</b>	<b>Ngạch công chức tương ứng</b>
1	2	3	4
I.2.15	Chuyên viên chính về Quản trị công sở	Chuyên viên chính về Quản trị công sở	CVC
I.2.16	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên về Quản trị công sở	CV
I.2.17	Chuyên viên chính về hành chính – văn phòng	Chuyên viên chính về hành chính – văn phòng	CVC
I.2.18	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	CV
I.2.19	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính	VTVC
I.2.20	Văn thư viên	Văn thư viên	VTV
I.2.21	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	VTVTC
I.2.22	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính về lưu trữ	CVC
I.2.23	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên về lưu trữ	CV
I.2.24	Cán sự về lưu trữ	Cán sự về lưu trữ	CS
I.2.25	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
I.2.26	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính	KTVC
I.2.27	Kế toán viên	Kế toán viên	KTV
I.2.28	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên thủ quỹ	CV
I.2.29	Cán sự thủ quỹ	Cán sự thủ quỹ	CS
<b>I.3</b>	<b>VTVL nhóm Hỗ trợ, phục vụ</b>		
I.3.1	Nhân viên Y tế cơ quan	Nhân viên Y tế cơ quan	NV
I.3.2	Nhân viên Kỹ thuật	Nhân viên Kỹ thuật	NV
I.3.3	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên Phục vụ	NV
I.3.4	Nhân viên Lái xe	Nhân viên Lái xe	NV
I.3.5	Nhân viên Bảo vệ	Nhân viên Bảo vệ	NV
<b>II</b>	<b>Phòng Kế hoạch - Tài chính</b>		
<b>II.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
II.1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính	
II.1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng,	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính	

TT	Danh mục VTVL theo quy định	Danh mục VTVL theo đơn vị	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3	4
	Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)		
<b>II.2</b>	<b>VTVL nhóm chuyên môn dùng chung</b>		
II.2.1	Chuyên viên cao cấp về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên cao cấp về kế hoạch đầu tư	CVCC
II.2.2	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	CVC
II.2.3	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	CV
II.2.4	Chuyên viên cao cấp về thống kê	Chuyên viên cao cấp về thống kê	CVCC
II.2.5	Chuyên viên chính về thống kê	Chuyên viên chính về thống kê	CVC
II.2.6	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên về thống kê	CV
II.2.7	Chuyên viên cao cấp về tài chính	Chuyên viên cao cấp về tài chính	CVCC
II.2.8	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính về tài chính	CVC
II.2.9	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên về tài chính	CV
<b>III</b>	<b>Phòng Quản lý xây dựng</b>		
<b>III.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
III.1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Trưởng phòng Quản lý đầu tư	
III.1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Phó Trưởng phòng Quản lý đầu tư	
<b>III.2</b>	<b>VTVL nhóm nghiệp vụ chuyên ngành</b>		
III.2.1	Chuyên viên cao cấp về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên cao cấp về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	CVCC
III.2.2	Chuyên viên chính về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	CVC
III.2.3	Chuyên viên về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	CV
<b>IV</b>	<b>Phòng Quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
IV.1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Trưởng phòng Quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông	

TT	Danh mục VTVL theo quy định	Danh mục VTVL theo đơn vị	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3	4
IV.1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Phó Trưởng phòng Quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông	
<b>IV.2</b>	<b>VTVL nhóm nghiệp vụ chuyên ngành</b>		
IV.2.1	Chuyên viên cao cấp về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên cao cấp về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	CVCC
IV.2.2	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	CVC
IV.2.3	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	CV
<b>V</b>	<b>Phòng Pháp chế - Đấu thầu</b>		
<b>V.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
V.1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Trưởng phòng Pháp chế - Đấu thầu	
V.1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Phó Trưởng phòng Pháp chế - Đấu thầu	
<b>V.2</b>	<b>VTVL nhóm nghiệp vụ chuyên ngành</b>		
V.2.1	Chuyên viên cao cấp về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên cao cấp về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	CVCC
V.2.2	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	CVC
V.2.3	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	CV
<b>V.3</b>	<b>VTVL nhóm chuyên môn dùng chung</b>		
V.3.1	Chuyên viên cao cấp về Pháp chế	Chuyên viên cao cấp về Pháp chế	CVCC



<b>TT</b>	<b>Danh mục VTVL theo quy định</b>	<b>Danh mục VTVL theo đơn vị</b>	<b>Ngạch công chức tương ứng</b>
1	2	3	4
V.3.2	Chuyên viên chính về Pháp chế	Chuyên viên chính về Pháp chế	CVC
V.3.3	Chuyên viên về Pháp chế	Chuyên viên về Pháp chế	CV
<b>VI</b>	<b>Phòng Kỹ thuật, công nghệ và xúc tiến đầu tư</b>		
<b>VI.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
VI.1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Trưởng phòng Kỹ thuật, công nghệ và xúc tiến đầu tư	
VI.1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, công nghệ và xúc tiến đầu tư	
<b>VI.2</b>	<b>VTVL nhóm nghiệp vụ chuyên ngành</b>		
VI.2.1	Chuyên viên cao cấp về quản lý khoa học và công nghệ (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ)	Chuyên viên cao cấp về quản lý khoa học và công nghệ	CVCC
VI.2.2	Chuyên viên chính về quản lý khoa học và công nghệ (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ)	Chuyên viên chính về quản lý khoa học và công nghệ	CVC
VI.2.3	Chuyên viên về quản lý khoa học và công nghệ (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ)	Chuyên viên về quản lý khoa học và công nghệ	CV
VI.2.4	Chuyên viên cao cấp về môi trường	Chuyên viên cao cấp về môi trường	CVCC
VI.2.5	Chuyên viên chính về môi trường	Chuyên viên chính về môi trường	CVC
VI.2.6	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên về môi trường	CV
VI.2.7	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	CVCC
VI.2.8	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	CVC
VI.2.9	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	CV
VI.2.10	Chuyên viên cao cấp về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin)	Chuyên viên cao cấp về quản lý công nghệ thông tin	CVCC

<b>TT</b>	<b>Danh mục VTVL theo quy định</b>	<b>Danh mục VTVL theo đơn vị</b>	<b>Ngạch công chức tương ứng</b>
1	2	3	4
	tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)		
VI.2.11	Chuyên viên chính về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	Chuyên viên chính về quản lý công nghệ thông tin	CVC
VI.2.12	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	CV
VI.2.13	Chuyên viên cao cấp về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên cao cấp về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	CVCC
VI.2.14	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	CVC
VI.2.15	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	CV
<b>VI.3</b>	<b>VTVL nhóm chuyên môn dùng chung</b>		
VI.3.1	Chuyên viên cao cấp về hợp tác quốc tế	Chuyên viên cao cấp về hợp tác quốc tế	CVCC
VI.3.2	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	CVC
VI.3.3	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	CV
<b>VII</b>	<b>Các Chi cục thuộc Cục</b>		
<b>VII.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
VII.1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Chi cục trưởng Chi cục	
VII.1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Phó Chi cục trưởng	

TT	Danh mục VTVL theo quy định	Danh mục VTVL theo đơn vị	Ngạch công chức tương ứng
1	2	3	4
<b>VII.2</b>	<b>Văn phòng thuộc Chi cục</b>		
<b>VII.2.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
VII.2.1.1	Chánh Văn phòng (thuộc Chi cục, thuộc Cục, thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Chánh Văn phòng	
VII.2.1.2	Phó Chánh Văn phòng ( thuộc Chi cục, thuộc Cục, thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Phó Chánh Văn phòng	
<b>VII.2.2</b>	<b>VTVL nhóm chuyên môn dùng chung</b>		
VII.2.2.1	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	CVC
VII.2.2.2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	CV
VII.2.2.3	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	CVC
VII.2.2.4	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	CV
VII.2.2.5	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	CVC
VII.2.2.6	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	CV
VII.2.2.7	Chuyên viên chính về Tổng hợp	Chuyên viên chính về Tổng hợp	CVC
VII.2.2.8	Chuyên viên về Tổng hợp	Chuyên viên về Tổng hợp	CV
VII.2.2.9	Chuyên viên chính về hành chính – văn phòng	Chuyên viên chính về hành chính – văn phòng	CVC
VII.2.2.10	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	CV
VII.2.2.11	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính	VTVC
VII.2.2.12	Văn thư viên	Văn thư viên	VTV
VII.2.2.13	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	VTVTC
VII.2.2.14	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
VII.2.2.15	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính	KTVC
VII.2.2.16	Kế toán viên	Kế toán viên	KTV
<b>VII.2.3</b>	<b>VTVL nhóm Hỗ trợ, phục vụ</b>		

<b>TT</b>	<b>Danh mục VTVL theo quy định</b>	<b>Danh mục VTVL theo đơn vị</b>	<b>Ngạch công chức tương ứng</b>
1	2	3	4
VII.2.3.1	Nhân viên Kỹ thuật	Nhân viên Kỹ thuật	NV
VII.2.3.2	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên Phục vụ	NV
VII.2.3.3	Nhân viên Lái xe	Nhân viên Lái xe	NV
VII.2.3.4	Nhân viên Bảo vệ	Nhân viên Bảo vệ	NV
<b>VII.3</b>	<b>Phòng Quản lý xây dựng thuộc Chi cục</b>		
<b>VII.3.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
VII.3.1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục, thuộc Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Trưởng phòng Quản lý đầu tư	
VII.3.1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Phó Trưởng phòng Quản lý đầu tư	
<b>VII.3.2</b>	<b>VTVL nhóm nghiệp vụ chuyên ngành</b>		
VII.3.2.1	Chuyên viên chính về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	CVC
VII.3.2.2	Chuyên viên về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên về Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	CV
<b>VII.4</b>	<b>Phòng Quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông</b>		
<b>VII.4.1</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>		
VII.4.1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục, thuộc Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Trưởng phòng Quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông	
VII.4.1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Phó Trưởng phòng Quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông	
<b>VII.4.2</b>	<b>VTVL nhóm nghiệp vụ chuyên ngành</b>		
VII.4.2.1	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	CVC
VII.4.2.2	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	CV

## **Phần VI**

# **THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤC ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

## **I. TỔ CHỨC CỦA CỤC ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

### **1. Cơ cấu tổ chức**

Quyết định số 1245/QĐ-BGTVT ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT đã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục ĐCTVN, về cơ cấu tổ chức hiện nay có Văn phòng và 04 phòng tham mưu.

Cục ĐCTVN đã xây dựng và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức tham mưu, giúp việc Cục trưởng Cục ĐCTVN (Quyết định số 02/QĐ-CDCTVN ngày 10/10/2022) và phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Văn phòng và các Phòng tham mưu, theo nguyên tắc một lĩnh vực công việc chỉ giao một tổ chức làm đầu mối chủ trì theo dõi, triển khai thực hiện. Cụ thể:

(1) Văn phòng chủ trì tham mưu Cục trưởng quản lý về công tác tổ chức bộ máy; công chức, viên chức, người lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua, khen thưởng; cải cách hành chính; chủ trì tham mưu thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, truyền thông; quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài sản, kinh phí hoạt động, bảo đảm phương tiện, điều kiện làm việc, an ninh - trật tự; phục vụ chung cho hoạt động của cơ quan Cục và công tác quản trị nội bộ; thực hiện các nhiệm vụ khác do pháp luật quy định hoặc do Cục trưởng giao

(2) Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì tham mưu Cục trưởng quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch đầu tư các dự án đường bộ cao tốc; thực hiện chức năng cơ quan chuyên môn về xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đường bộ cao tốc; công tác thống kê về đường bộ cao tốc; chủ trì tham mưu về tài chính, tài sản, kế toán, ngân sách (trừ các nội dung thuộc nhiệm vụ của Văn phòng) thuộc phạm vi quản lý của Cục.

(3) Phòng Quản lý đầu tư xây dựng và khai thác chủ trì tham mưu Cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về đầu tư, xây dựng (từ sau giai đoạn chuẩn bị đầu tư) các dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc; chủ trì tham mưu về quản lý, sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ cao tốc; tổ chức giao thông, đảm bảo an toàn giao thông, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên đường bộ cao tốc.

(4) Phòng Pháp chế - Đấu thầu chủ trì tham mưu Cục trưởng trong việc xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các

văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cơ chế, chính sách về phát triển, đầu tư xây dựng, huy động nguồn lực, xây dựng và khai thác đường bộ cao tốc; chủ trì tham mưu Cục trưởng thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tham mưu công tác pháp chế về đường bộ cao tốc; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

(5) Phòng Khoa học công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế chủ trì tham mưu Cục trưởng về khoa học công nghệ, môi trường, hợp tác quốc tế và xây dựng Chính phủ điện tử/chuyên đổi số đối với đường bộ cao tốc.

## **2. Biên chế, nhân sự và vị trí việc làm**

### **2.1. Biên chế được giao năm 2024**

Năm 2024, Cục ĐCTVN được Bộ GTVT giao tổng số 39 biên chế hành chính (Quyết định số 1706/QĐ-BGTVT ngày 23/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT).

### **2.2. Nhân sự hiện tại**

Số lượng công chức hiện có của Cục ĐCTVN tại thời điểm ngày 05/9/2024 như sau:

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Biên chế năm 2024</b>	<b>Số lượng công chức hiện có</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Lãnh đạo Cục	4	3	
2	Văn phòng	7	7	
3	Phòng Kế hoạch – Tài chính	7	7	
4	Phòng Quản lý đầu tư xây dựng và khai thác	7	7	
5	Phòng Pháp chế - Đấu thầu	7	6	
6	Phòng Khoa học công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế	7	6	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>39</b>	<b>36</b>	

### **2.3. Vị trí việc làm**

Vị trí việc làm của cơ quan hành chính trực thuộc Cục thực hiện theo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các tổ chức hành chính thuộc Cục ĐCTVN tại Quyết định số 329/QĐ-BGTVT ngày 29/3/2024; bản mô tả công việc, trình độ đào tạo, yêu cầu điều kiện khác, khung năng lực của từng vị trí việc làm; cơ cấu ngạch công chức các đơn vị thuộc Cục ĐCTVN tại Quyết định số 92/QĐ-ĐCTVN ngày 20/5/2024.

## II. HOẠT ĐỘNG CỦA CỤC ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

### 1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, Cục chính thức đi vào hoạt động theo Quyết định số 1245/QĐ-BGTVT ngày 27/9/2022 của Bộ Giao thông vận tải, với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

1.1. Chức năng: Cục ĐCTVN là tổ chức trực thuộc Bộ GTVT thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về đầu tư, xây dựng và khai thác hệ thống đường bộ cao tốc trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn: Bao gồm các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

a) Tham mưu công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, cơ chế, chính sách về đầu tư, xây dựng, huy động nguồn lực và khai thác hệ thống đường bộ cao tốc;

b) Thực hiện thẩm quyền quyết định đầu tư, nhiệm vụ của chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc theo phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng;

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ GTVT, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng các dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc trong phạm vi cả nước theo phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng;

d) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng đối với các dự án đường bộ cao tốc do Bộ GTVT là cơ quan có thẩm quyền đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) hoặc xã hội hóa theo phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các địa phương được giao là cơ quan chủ quản, cơ quan có thẩm quyền và các chủ đầu tư trong quá trình đầu tư xây dựng các dự án đường bộ cao tốc theo quy định; tham mưu cho Bộ Giao thông vận tải thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao đối với các dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc phân cấp cho địa phương.

### 2. Tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ

#### 2.1. Đánh giá chung

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, Cục đã bám sát chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, quyết liệt cải cách, đổi mới, triển khai đồng bộ các giải pháp, hoàn thành tốt các nhiệm vụ, lĩnh vực công tác được giao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước.

Năm 2022 và 2023 là những năm rất khó khăn, trong điều kiện biên chế hạn hẹp, số người làm việc chưa tuyển dụng đủ (phải trưng dụng một số cán bộ có kinh nghiệm thuộc các Ban QLDA, các tổ chức tư vấn, Viện nghiên cứu), khối lượng công việc rất lớn, tiến độ gấp..., cơ sở vật chất, tranh thiết bị còn thiếu; tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ GTVT, sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và địa phương, tập thể lãnh đạo, công chức, người lao động Cục ĐCTVN đã đoàn kết, thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được Bộ GTVT giao với tinh thần trách nhiệm cao.

## ***2.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ cụ thể***

*2.2.1 Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản QPPL, Đề án; tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế- kỹ thuật đường bộ cao tốc*

Công tác xây dựng văn bản QPPL được thực hiện tích cực, chủ động, đã hoàn thành 100% chương trình của Bộ GTVT về xây dựng văn bản QPPL; đã tham mưu xây dựng Luật Đường bộ (trong đó có một chương quy định riêng về đường cao tốc) và 03 Thông tư của Bộ GTVT<sup>14</sup>. Bên cạnh đó, Cục đã chủ động rà soát, tham mưu báo cáo Bộ nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách pháp luật liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý khai thác đường cao tốc; nghiên cứu, tham gia ý kiến Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường cao tốc do Nhà nước đầu tư, sở hữu, quản lý và khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ GTVT.

### *2.2.2 Về đầu tư, phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc*

Cục ĐCTVN thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ GTVT quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về đầu tư, xây dựng<sup>15</sup> và khai thác hệ thống đường bộ cao tốc trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật; đồng thời thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng đối với các dự án đường bộ cao tốc, các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, các dự án xã hội hóa do Bộ GTVT là cơ quan có thẩm quyền. Tình hình triển khai nhiệm vụ cụ thể như sau:

#### *a) Về quy hoạch, kế hoạch phát triển đường bộ cao tốc*

Mạng lưới đường bộ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy hoạch 41 tuyến cao tốc, tổng chiều dài 9.014km. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra mục tiêu: đến năm 2030 phần đầu cả nước có khoảng 5.000

<sup>14</sup> Thông tư số 50/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 Quy định về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ GTVT; Thông tư số 06/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc; Thông tư Thông tư số 16/2024/TT-BGTVT ngày 30/5/2024 hướng dẫn một số nội dung về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh công trình dịch vụ chuyên ngành giao thông đường bộ.

<sup>15</sup> Giao nhiệm vụ thực hiện quản lý đầu tư xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc từ giai đoạn chuẩn bị dự án, giai đoạn thực hiện dự án đến giai đoạn kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào vận hành khai thác.



km đường bộ cao tốc. Để đạt mục tiêu trên, Chính phủ đã xây dựng kế hoạch đến năm 2025 hoàn thành khoảng 3.000 km đường cao tốc, đến năm 2030 hoàn thành khoảng 5.000 km. Đến nay, cả nước có khoảng 2.021 km đường cao tốc đưa vào khai thác. Trên cơ sở kết quả triển khai các dự án xây dựng, Cục ĐCTVN đã phối hợp với Cục QLĐTXD rà soát, báo cáo Bộ trưởng kết quả triển khai thực hiện mục tiêu 3.000 km cao tốc vào năm 2025, trong đó đến năm 2025 sẽ chắc chắn hoàn thành 2.709 km<sup>16</sup>; 325 km/7 dự án cần phải tháo gỡ khó khăn về nguồn cát, giải phóng mặt bằng; đôn đốc, chỉ đạo quyết liệt mới có thể hoàn thành năm 2025; qua đó nâng tổng số đường cao tốc đưa vào khai thác khoảng **3.034** km.

*b) Về đầu tư, nâng cấp các tuyến cao tốc phân kỳ đạt quy mô hoàn chỉnh*

Thực hiện Công điện số 16/CĐ-TTg ngày 21/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh nghiên cứu, triển khai đầu tư nâng cấp các tuyến đường bộ cao tốc đang khai thác, đang đầu tư theo quy mô phân kỳ, trên cơ sở tổng hợp số liệu của địa phương, các chủ đầu tư và các cơ quan liên quan, Cục đã tham mưu Bộ GTVT báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án đầu tư nâng cấp các tuyến đường bộ cao tốc có quy mô phân kỳ tại văn bản số 3790/BGTVT-CĐCTVN ngày 09/4/2024. Trên cơ sở đề xuất của Bộ GTVT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 4243/BKHĐT-PTHTĐT ngày 03/6/2024 đề xuất phát hành gói trái phiếu Chính phủ khoảng 165.000 tỷ đồng để đầu tư các dự án, ưu tiên đầu tư mở rộng các dự án cao tốc 04 làn xe hạn chế, 04 làn xe hoàn chỉnh trên tuyến cao tốc Bắc - Nam theo quy mô quy hoạch. Cục ĐCTVN đã tham mưu Bộ GTVT tham gia ý kiến cần đánh giá tính khả thi về tổ chức thực hiện, khả năng hấp thụ nguồn vốn để xây dựng kế hoạch, phương án, lộ trình triển khai phù hợp, gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

*c) Về thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng*

Hiện nay, Cục ĐCTVN đang theo dõi 23 dự án (gồm 32 dự án thành phần) trong đó: 7 dự án do Bộ GTVT quản lý<sup>17</sup> (gồm 6 dự án đầu tư công và 1 dự án PPP); 16 dự án do địa phương quản lý<sup>18</sup> (gồm 8 dự án đầu tư công và 8 dự án PPP). Cục ĐCTVN đã hoàn thành nhiệm vụ thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng đáp ứng chất lượng, tiến độ kịp thời đưa 10 dự án vào triển khai thi công phần lớn đều là các dự án trong điểm quốc gia<sup>19</sup>.

<sup>16</sup> Gồm: 2001 km đã khai thác và 708 km chắc chắn hoàn thành 2025.

<sup>17</sup> Gồm 07 Dự án: Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột TP2, Chơn Thành – Đức Hòa, Cao Lãnh – Lộ Tè, Lộ Tè - Rạch Sỏi, Mỹ An - Cao Lãnh, Chợ Mới – Bắc Kan, Giàu Dây – Tân Phú.

<sup>18</sup> 08 Dự án đầu tư công: Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (TP1,3); Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng (TP 1,2,3,4), Vành Đai 3-Thành phố Hồ Chí Minh (TP 1,3,5,7), Hòa Bình – Mộc Châu đoạn qua Sơn La, Tuyên Quang – Phú Thọ, Tuyên Quang - Hà Giang đoạn qua Tuyên Quang, Tuyên Quang – Hà Giang đoạn qua Hà Giang, Cao Lãnh – An Hữu (TP 1,2); 08 dự án PPP gồm: Vành đai 4 Hà Nội, Đồng Đăng – Trà Lĩnh, Hữu Nghị - Chi Lăng, Ninh Bình - Hải Phòng, Tân Phú – Bảo Lộc, Bảo Lộc – Liên Khương, TP.HCM - Chơn Thành, Gia Nghĩa - Chơn Thành.

<sup>19</sup> Các dự án: Khánh Hòa -Buôn Ma Thuột (TP1, 2, 3), Vành Đai 3 TP.HCM (TP 1,3,5,7), Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng (TP 1,2,3,4), Tuyên Quang – Hà Giang đoạn qua Tuyên Quang; Tuyên Quang – Hà Giang đoạn qua Hà Giang, Chơn Thành - Đức Hòa, An Hữu – Cao Lãnh (TP1).

*d) Về thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ GTVT:* Cục ĐCTVN đã tham mưu Bộ GTVT phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Dầu Giây - Tân Phú<sup>20</sup>; hoàn thành công tác thẩm định và tham mưu Bộ GTVT phê duyệt điều chỉnh dự án Hàm đường bộ qua Đèo Cả; đồng thời tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về quyết định đầu tư chủ trương đầu tư dự án Gia Nghĩa - Chơn Thành. Các dự án đường cao tốc trọng điểm có quy mô lớn, phức tạp, tiến độ yêu cầu khởi công rất gấp, mỗi dự án chia thành nhiều dự án thành phần/gói thầu. Đối với các dự án do địa phương triển khai, Cục ĐCTVN tham mưu Bộ GTVT thực hiện 04 vai trò: (1) thực hiện vai trò của Bộ quản lý chuyên ngành; (2) thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan chuyên môn về xây dựng; (3) hỗ trợ địa phương thực hiện vai trò cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với dự án PPP; (4) thực hiện một số nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ giao.

*đ) Về công tác đôn đốc tiến độ, chất lượng các dự án đường bộ cao tốc:* Cục đã kịp thời tổ chức đoàn đi kiểm tra hiện trường các dự án, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện<sup>21</sup>; chủ động kiểm tra, giám sát với vai trò cơ quan chuyên môn về xây dựng. Cục đã tổ chức nhiều đoàn đi kiểm tra hiện trường, kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc để tháo gỡ, xử lý giải quyết theo thẩm quyền, đã có các Thông báo, tham mưu Bộ có văn bản chỉ đạo các Chủ đầu tư/Ban QLDA, các địa phương; tham mưu Bộ báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết đối với những nội dung vượt thẩm quyền. Kịp thời đôn đốc các Chủ đầu tư/Ban QLDA thực hiện công tác báo cáo định kỳ/đột suất các dự án cao tốc nêu trên đúng thời gian quy định, tổng hợp để gửi Cục QLĐTXD đưa vào dự thảo báo cáo chung của Bộ GTVT gửi Ban chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành GTVT đúng thời gian quy định.

*e) Về nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng đối với các dự án PPP*

Cục đang được giao các nhiệm vụ: (1) tham mưu cho Bộ thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền 69 dự án BOT, BT (nhiệm vụ chuyển về từ Vụ PPP trước đây); (2) thực hiện nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng được Bộ ủy quyền của 04 dự án BOT đường cao tốc (03 dự án Diên Châu-Bãi Vọt, Nha Trang-Cam Lâm, Cam Lâm-Vĩnh Hảo đã thông xe và dự án Dầu Giây-Tân Phú khởi công trong năm 2024).

- Thực hiện nhiệm vụ cơ quan ký kết hợp đồng đối với 03 dự án BOT (Cam Lâm –Vĩnh Hảo, Nha Trang – Cam Lâm, Diên Châu – Bãi Vọt), đồng thời tích cực tham mưu công tác quản lý hợp đồng, phối hợp chặt chẽ với Cục QLĐTXD kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình ĐTXD và xác nhận hoàn

<sup>20</sup> Quyết định số 954/QĐ-BGTVT ngày 31/7/2024 của Bộ GTVT.

<sup>21</sup> Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Chơn Thành - Đức Hoà, Tuyên Quang - Hà Giang, Cao Lãnh - An Hữu, Châu đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, ...

thành đưa 03 dự án vào khai thác trong đó 2 dự án đã triển khai thu phí (Cam Lâm - Vĩnh Hảo; Nha Trang - Cam Lâm).

- Công tác xử lý bất cập các dự án BOT:

+ Đối với 08 dự án BOT<sup>22</sup>, Cục đã hoàn chỉnh Đề án xử lý khó khăn, vướng mắc tại một số dự án BOT giao thông, tham mưu Bộ GTVT trình Thường trực Chính phủ<sup>23</sup>. Thực hiện Thông báo số 270/TB-VPCP ngày 22/6/2024 của VPCP, Cục đã phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương đàm phán với các nhà đầu tư, các ngân hàng cung cấp vốn tín dụng đối với 03 dự án BOT của địa phương, phối hợp với cơ quan chức năng thuộc Ngân hàng nhà nước, tổ chức làm việc, đàm phán với các nhà đầu tư, các ngân hàng cung cấp vốn tín dụng đối với 8 dự án BOT của Bộ GTVT về giải pháp xử lý khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án và biện pháp chia sẻ rủi ro. Hiện nay, các địa phương, nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án đang đàm phán, thống nhất với ngân hàng tín dụng về giải pháp xử lý; hoàn chỉnh báo cáo gửi Bộ GTVT để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền.

+ Đối với 13 dự án BOT có tính thời gian thu phí tạo lợi nhuận trong phương án tài chính, đến nay có 07<sup>24</sup> hợp đồng Nhà đầu tư đã thống nhất phương án tạo lợi nhuận, còn lại 06<sup>25</sup> hợp đồng Nhà đầu tư chưa thống nhất. Cục đang phối hợp với Cục ĐBVN và Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án để rà soát hợp đồng, phương án tài chính của dự án BOT quốc lộ 51, cầu Rạch Miễu để đề xuất giải pháp xử lý phù hợp, làm căn cứ báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

- Tham mưu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền các dự án BOT, BT trên quốc lộ đang khai thác do Bộ GTVT quản lý (nhiệm vụ chuyển về từ Vụ PPP trước đây): đang tiếp tục xử lý vướng mắc các dự án BT QL20, QL19, QL53, QL1 tránh TP. Đồng Hới...

g) *Về công tác phối hợp*: đã phối hợp với Vụ KHĐT và các địa phương bước chủ trương đầu tư 06 dự án<sup>26</sup> và phối hợp với Cục QLXD thẩm định dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với Tuyên Quang - Phú Thọ, TKKT dự án Hòa Bình - Mộc Châu đoạn qua tỉnh Hòa Bình. Phối hợp với các địa phương, các cơ quan chủ quản trong công tác kiểm tra, giám sát các dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng theo yêu cầu; chủ trì rà soát để hỗ trợ các địa phương trong việc triển khai các

<sup>22</sup> Các dự án: QL1 đoạn tránh TP. Thanh Hóa; Thái Nguyên – Chợ Mới; đường HCM đoạn Km1738+148-Km1763+610 tỉnh Đắk Lắk; QL.91; nâng cấp sông Sài Gòn từ Cầu Bình Lợi tới cảng Bến Súc; cầu Việt Trì; cầu Thái Hà; hầm đường bộ Đèo Cả.

<sup>23</sup> Tờ trình số 5671/TTr-BGTVT ngày 28/5/2024 của Bộ GTVT.

<sup>24</sup> 04 dự án đã dừng thu phí, xác lập quyền sở hữu toàn dân (QL2 đoạn Nội Bài – Vĩnh Yên, QL.1K, Hầm Đèo Ngang, QL.1 tránh TP Hà Tĩnh) và 03 hợp đồng dự án đang thu phí (QL1 tránh TP Vinh, QL1 đoạn Hòa Cầm – Hòa Phước, QL14 đoạn cầu 38 đến TX Đồng Xoài).

<sup>25</sup> 03 dự án đã tạm dừng thu phí hoặc sắp dừng thu phí nhà đầu tư chưa thống nhất phương án xử lý (QL1 tránh Tây TP. Thanh Hoá, QL51 và cầu Rạch Miễu); 03 dự án đang thu phí (QL2 tránh TP Vĩnh Yên, cầu Yên Lệnh QL38, QL1 tránh Đồng Hới).

<sup>26</sup> Các dự án: Tp.HCM – Mộc Bài; TP.HCM-Chơn Thành; Đường VĐ4 HCM; Cam Lộ - Lao Bảo; Quy Nhơn – Pleiku; Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang...

công trình phục vụ vận hành, khai thác (ITS, trạm dừng nghỉ, trạm kiểm soát tải trọng...) bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các dự án khi hoàn thành đưa vào sử dụng.

*h) Về quản lý khai thác hệ thống đường cao tốc:* Thực hiện nhiệm vụ tham mưu Bộ GTVT, Cục đã nghiên cứu, đồng thời tổng hợp ý kiến của các cơ quan đơn vị và có văn bản gửi Cục ĐBVN để hoàn thiện Đề án; phối hợp, tham mưu các văn bản gửi các đơn vị liên quan đến công tác quản lý khai thác.

*i) Nhiệm vụ xây dựng đầu tư các trạm dừng nghỉ:* Tham mưu trong công tác triển khai xây dựng trạm dừng nghỉ các tuyến cao tốc trên phạm vi cả nước; thực hiện nhiệm vụ cơ quan có thẩm quyền 24 trạm dừng nghỉ tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông. Cục đã tham mưu ban hành Thông tư về lựa chọn NĐT theo trình tự thủ tục rút gọn, phối hợp với Bộ KHĐT đưa điều khoản chuyển tiếp để rút ngắn thời gian lựa chọn nhà đầu tư 8 trạm dừng nghỉ đã hoàn thiện hồ sơ mời thầu. Đến nay, đã hoàn thành lựa chọn và ký kết hợp đồng 08<sup>27</sup> trạm dừng nghỉ, 13<sup>28</sup> trạm dừng nghỉ sẽ hoàn thành công tác lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng trong tháng 10/2024, 03<sup>29</sup> trạm dừng nghỉ đang nghiên cứu hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai.

### 2.2.3 Về công tác khoa học công nghệ, môi trường và hợp tác quốc tế

Cục ĐCTVN đã tham mưu cho Bộ một số vấn đề KHCN quan trọng liên quan đến lĩnh vực đường bộ cao tốc như xây dựng báo cáo nghiên cứu, đánh giá tổng quan về khả năng nâng tốc độ khai thác đối với đường cao tốc phân kỳ đầu tư 4 làn với bề rộng làn Blx= 3,5m và làn dừng xe khẩn cấp không liên tục. Xây dựng kế hoạch và danh mục nhiệm vụ thực hiện cho giai đoạn đến năm 2030 của Cục về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế của Bộ GTVT trao đổi các lĩnh vực có tiềm năng hợp tác thu hút nguồn vốn phát triển mạng lưới và trao đổi kinh nghiệm nâng cao năng lực quản lý đường cao tốc.

### 2.2.4 Công tác CCHC, xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số

Công tác cải cách hành chính được tập trung thực hiện có hiệu quả như kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện nghiêm các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch và quản lý biên chế công chức; cải cách thủ tục hành chính; thường xuyên quán triệt nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ. Thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử; đẩy mạnh ứng dụng

<sup>27</sup> Dự án thành phần: Mai Sơn - QL45; Nghi Sơn - Diễn Châu; Diễn Châu - Bãi Vọt; Nha Trang - Cam Lâm; Cam Lâm - Vĩnh Hảo; Vĩnh Hảo - Phan Thiết (02 trạm); Phan Thiết - Dầu Giây.

<sup>28</sup> Dự án thành phần: QL45 – Nghi Sơn, Vân Phong – Nha Trang, Hoài Nhơn - Quy Nhơn, Vũng Áng - Bùng, Bùng – Vạn Ninh, Vạn Ninh – Cam Lộ, Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (trạm Km77+820 và trạm Km14+620), Quy Nhơn – Chí Thạnh, Hàm Nghi - Vũng Áng, Cam Lộ - La Sơn, Hậu Giang – Cà Mau và Cần Thơ - Hậu Giang

<sup>29</sup> Dự án thành phần: La Sơn - Hòa Liên; Hàm Đèo Cả; Mỹ Thuận - Cần Thơ

công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ, triển khai ký số cá nhân trên thiết bị di động giúp giải quyết công việc được khẩn trương, kịp thời.

### **3. Hiện trạng về trụ sở làm việc và cơ sở vật chất, trang thiết bị**

#### **3.1. Về trụ sở làm việc**

Căn cứ Đề án tổ chức lại Tổng cục Đường bộ Việt Nam thành Cục Đường bộ Việt Nam và Cục ĐCTVN, theo đó phương án sau khi tổ chức lại, trụ sở của cơ quan Cục ĐBVN và Cục ĐCTVN đặt tại trụ sở hiện nay của Tổng cục ĐBVN. Tuy nhiên, Cục ĐCTVN được thành lập và tổ chức mới, từ khi thành lập đi vào hoạt động, để kịp thời tiếp thu, lĩnh hội ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ trong quá trình tham mưu giải quyết công việc, đặc biệt đối với các tồn tại đối với các dự án BOT, BT trước đây, Cục ĐCTVN đã kiến nghị và được Bộ thống nhất giao Cục tạm sử dụng trụ sở làm việc tại Bộ GTVT. Hiện nay, Cục đang được Bộ GTVT bố trí trụ sở làm việc trong thời gian sửa chữa trụ sở làm việc của Bộ GTVT tại tầng 9 tòa nhà Cục Hàng không Việt Nam tại 119 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội (diện tích sử dụng riêng khoảng 400m<sup>2</sup>).

#### **3.2. Về nguồn kinh phí trang cấp thiết bị văn phòng, phương tiện**

Nhằm duy trì hoạt động của Cục là đơn vị mới thành lập, Cục đã xây dựng dự toán kinh phí mua sắm trang thiết bị báo cáo Bộ GTVT trong đó có nội dung mua sắm trang thiết bị, máy móc với kinh phí khoảng 1,5 tỷ đồng (xây dựng theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị). Đến nay, Cục được Ngân sách nhà nước cấp 175 triệu đồng (năm 2023) và năm 2024 Bộ đã có Quyết định giao dự toán 300 triệu đồng. Ngoài ra Cục đang mượn sử dụng một số thiết bị văn phòng của Văn phòng Bộ. Về phương tiện, Cục được bố trí 01 xe 04 chỗ phục vụ công tác chung.

## **Phần VII**

### **PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC**

#### **I. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY**

- Các tổ chức hành chính: Hình thành trên cơ sở tổ chức bộ máy hiện có của Cục Đường cao tốc Việt Nam.

- Các Chi cục trực thuộc Cục Quản lý công tư: Thành lập mới trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Quản lý công tư.

## **II. VỀ BIÊN CHẾ, NHÂN SỰ**

Tổng số biên chế cơ quan hành chính năm 2024 của Cục ĐCTVN được giao là 39. Với đề xuất 136 biên chế của Cục Quản lý công tư: Điều chuyển 39 biên chế cho các tổ chức hành chính thuộc Cục Quản lý đầu tư và bổ sung 97 biên chế tại khối tham mưu và Chi cục trực thuộc Cục Quản lý đầu tư sẽ được điều động từ Cục ĐBVN, Cục QLĐT XD và một số cơ quan, đơn vị khác trong Bộ GTVT.

## **III. VỀ TRỤ SỞ, ĐẤT ĐAI**

Cục ĐCTVN chưa có trụ sở và hiện tại Cục đang được Bộ GTVT bố trí trụ sở làm việc trong thời gian sửa chữa trụ sở làm việc của Bộ GTVT tại tầng 9 tòa nhà Cục Hàng không Việt Nam tại 119 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội (diện tích sử dụng riêng khoảng 400m<sup>2</sup>).

## **IV. VỀ TÀI CHÍNH**

- Đối với thời gian còn lại của năm 2024: Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước đã được giao và dự toán thu từ nguồn thu phí của Cục ĐCTVN, Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh dự toán trên cơ sở định biên, biên chế và nhu cầu quản lý, sử dụng sau khi sắp xếp, tổ chức lại bộ máy.

- Từ năm 2025 trở đi, việc lập và giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho Cục ĐBVN, Cục ĐBCTVN và các đơn vị trực thuộc thực hiện trên cơ sở các chế độ, chính sách và định mức của Nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

## **V. VỀ TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VÀ CÁC NỘI DUNG CÓ LIÊN QUAN**

- Về quản lý tài sản KCHT GTĐB thuộc phạm vi quản lý: Cục ĐCTVN không quản lý tài sản KCHT GTĐB. Hiện nay, tài sản KCHT GTĐB, Bộ GTVT giao cho Cục ĐBVN quản lý.

- Toàn bộ tài sản, trang thiết bị, phương tiện hiện có do Cục ĐCTVN đang quản lý sẽ được thống kê, bàn giao nguyên trạng theo đúng quy định của pháp luật cho Cục Quản lý công tư quản lý, sử dụng phục vụ công tác chuyên môn trên cơ sở nhu cầu, khối lượng công việc và tình hình thực tế (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

## **Phần VIII**

### **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN**

Phương án tổ chức lại Cục ĐCTVN giải quyết được mục tiêu là tổ chức lại cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực; giải quyết những tồn tại, hạn chế, bất cập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan. Việc thay đổi mô hình tổ chức và hình thành tổ chức mới chắc chắn sẽ có những tác động như sau:

1. Hình thành cơ quan đầu mối, chuyên sâu tham mưu giúp Bộ trưởng các vấn đề chung, tổng thể, toàn diện về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các hình thức đầu tư ngoài ngân sách là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách, nhằm tận dụng các tiềm năng, lợi thế để huy động tối đa nguồn lực ngoài ngân sách, tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo đúng chủ trương Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành.

2. Khắc phục tình trạng chồng lấp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan bảo đảm một việc không giao nhiều đầu mối thực hiện nhằm thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành.

3. Việc hình thành Cục Quản lý công tư được thực hiện trên cơ sở tổ chức lại Cục Đường cao tốc Việt Nam nên về cơ bản không phát sinh thêm tổ chức mới trực thuộc Bộ.

4. Thay đổi, điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ và biên chế công chức của một số cơ quan thuộc Bộ GTVT (Cục ĐBVN, Vụ KHĐT, Vụ Tài chính,...); cần phải điều chỉnh một số văn bản quy phạm pháp luật.

5. Về số lượng biên chế: so với hiện trạng biên chế đã phân bổ cho Cục ĐCTVN, việc thành lập Cục Quản lý công tư cần bổ sung khoảng 97 công chức để thực hiện nhiệm vụ. Để giải quyết nội dung này và bảo đảm nguyên tắc không làm tăng biên chế, kiến nghị điều chuyển công chức từ các cơ quan thuộc Bộ GTVT do thay đổi giảm về chức năng, nhiệm vụ (điều động từ Cục ĐBVN, Vụ KHĐT, Vụ Tài chính và một số cơ quan, đơn vị khác thuộc Bộ GTVT).

6. Về trụ sở, trang thiết bị: cơ bản tận dụng trụ sở, trang thiết bị của Cục ĐCTVN, các Khu QLDB thuộc Cục ĐBVN và một số trụ sở hiện hữu của các cơ quan thuộc Bộ, không phát sinh thêm trụ sở làm việc mới.

7. Do các tổ chức và công chức được điều động, sắp xếp đều có năng lực, kinh nghiệm, đang công tác tại các đại bàn, lĩnh vực quản lý của Bộ GTVT nên khi kiện toàn tổ chức bộ máy theo mô hình mới có thể đảm nhiệm ngay công việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Cục Quản lý công tư.

## **Phần IX**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Vụ Tổ chức cán bộ**

- Hoàn chỉnh Đề án, dự thảo Nghị định đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp thẩm định; tham mưu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp; hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định, báo cáo lãnh đạo Bộ trình Chính phủ xem xét, quyết định.

- Tham mưu tổ chức việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Tham mưu đề Bộ trưởng ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

#### **2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ**

Rà soát đánh giá tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, của đơn vị mình, trên cơ sở đó:

a) Sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy của các đơn vị.

b) Xây dựng văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

#### **3. Thời gian thực hiện**

a) Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp trong tháng 10/2024

b) Hoàn chỉnh Đề án, hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ trong tháng 11/2024./.

---